

**TRƯỜNG THPT PHƯỚC LONG
TỔ SỬ-GDCD**

**NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
MÔN LỊCH SỬ - LỚP 12**

NỘI DUNG ÔN TẬP GỒM 03 BÀI: 21,22,23. HỌC SINH CHÚ Ý NHỮNG TRỌNG TÂM SAU

**Bài 21: XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, ĐẤU TRANH
CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM (1954-1965)**

Câu 1. Ngày 16-5-1955, gắn với sự kiện nào của miền Bắc Việt Nam?

- A. Quân Pháp rút khỏi Hải Phòng.
- B. Quân Pháp rút khỏi Hà Nội.
- C. Quân ta tiếp quản Thủ đô.
- D. Giải phóng thủ đô Hà Nội.

Câu 2. Sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương, nhiệm vụ của cách mạng miền Nam là

- A. tiến hành hoàn thành cải cách ruộng đất.
- B. tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- C. tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
- D. khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.

Câu 3. Mỹ tiến hành “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) nhằm thực hiện âm mưu

- A. lấy chiến tranh nuôi chiến tranh.
- B. dùng người Việt đánh người Việt.
- C. bình định miền Nam trong vòng 18 tháng.
- D. dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương.

Câu 4. Ngày 10-10-1954 đi vào lịch sử Việt Nam với ý nghĩa là

- A. ngày giải phóng Thủ đô.
- B. ngày ký hiệp định Giơnevơ.
- C. Pháp rút khỏi Hải Phòng.
- D. Pháp rút khỏi miền Bắc.

Câu 5. Vai trò của cách mạng miền Bắc trong giai đoạn 1954 - 1975 là

- A. quyết định trực tiếp.
- B. quyết định nhất.
- C. quan trọng nhất.
- D. cơ bản nhất.

Câu 6. Vai trò của cách mạng miền Nam trong giai đoạn 1954 - 1975 là

- A. quan trọng nhất.
- B. cơ bản nhất.
- C. quyết định trực tiếp.
- D. quyết định nhất.

Câu 7. Sau khi cuộc kháng chiến chống Pháp (1946-1954), miền Bắc đã cơ bản hoàn thành cuộc cách mạng nào?

- A. Cách mạng ruộng đất.
- B. Cách mạng văn hóa.
- C. Cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- D. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Câu 8. Hình thức đấu tranh chủ yếu của nhân dân miền Nam những ngày đầu sau hiệp định Giơnevơ (1954) về Đông Dương là

- A. đấu tranh vũ trang.
- B. đấu tranh chính trị.
- D. bạo lực cách mạng.
- C. khởi nghĩa giành chính quyền

Câu 9. Qua đợt cải cách ruộng đất 1954-1956, miền Bắc đã thực hiện khẩu hiệu

- A. Người cày có ruộng.
- B. Tắc đất tắc vàng.
- C. Tăng gia sản xuất.
- D. Không bỏ ruộng đất hoang.

Câu 10. Ngày 2-1-1963 gắn với sự kiện nào của miền Nam?

- A. Chiến thắng Ấp Bắc.
- B. Chiến thắng Bình Giã.
- C. Chiến thắng Vạn Tường.
- D. Chiến thắng Đồng Xoài.

Câu 11. Chỗ dựa trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ở miền Nam là gì?

- A. Quân đội Sài Gòn.
- B. Ấp chiến lược và cố vấn Mỹ.
- C. Cố vấn Mỹ và quân đội Sài Gòn.
- D. Ấp chiến lược và quân đội tay sai.

Câu 12. Chiến thắng mở đầu của quân và dân ta chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) của Mỹ là

- A. Chiến thắng Bình Giã.
- B. Chiến thắng Ấp Bắc.

C. Chiến thắng Ba Gia.

D. Chiến thắng Đồng Xoài.

Câu 13. Chiến thắng quân sự nào của ta làm phá sản cơ bản “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ?

A. Chiến thắng Ấp Bắc.

C. Chiến thắng An Lão.

B. Chiến thắng Bình Giã.

D. Chiến thắng Đồng Xoài.

Câu 14. Thực hiện khẩu hiệu “Người cày có ruộng”, Đảng ta có chủ trương

A. giải phóng giai cấp nông dân.

C. tiến hành cải cách ruộng đất.

B. khôi phục kinh tế, chia ruộng đất.

D. cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Câu 15. Từ năm 1961-1965 Mĩ thực hiện chiến lược Chiến tranh nào?

A. Chiến tranh cục bộ.

C. Chiến tranh đơn phương.

B. Chiến tranh đặc biệt.

D. Việt Nam hóa chiến tranh.

Câu 16. Đặc điểm nổi bật của tình hình nước ta sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương là

A. miền Nam trở thành thuộc địa của Mĩ.

C. đất nước tạm thời bị chia cắt thành 2 miền.

B. miền Bắc tiến hành khôi phục kinh tế.

D. Mĩ thiết lập chính quyền tay sai ở miền Nam.

Câu 17. Mục đích của Đảng khi thực hiện cải cách ruộng đất (1954-1956) là

A. củng cố khối liên minh công-nông.

C. khôi phục kinh tế và phát triển văn hóa.

B. thực hiện khẩu hiệu “tắc đất tắc vàng”.

D. xây dựng đời sống mới cho nhân dân.

Câu 18. Những thắng lợi quân sự nào dưới đây làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) của Mĩ?

A. Ấp Bắc, Đồng Xoài, An Lão.

C. Bình Giã, An Lão, Đồng Xoài.

B. An Lão, Ba Gia, Đồng Xoài.

D. Vạn Tường, Núi Thành, An Lão.

Câu 19. Nhiệm vụ của cách mạng nước ta sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 là

A. xây dựng chủ nghĩa xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

B. xây dựng chủ nghĩa xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Bắc.

C. tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước.

D. cả nước tập trung kháng chiến chống Mĩ-Ngụy ở miền Nam.

Câu 20. Bình định miền Nam trong vòng 18 tháng là nội dung của kế hoạch quân sự nào của Mĩ?

A. Kế hoạch Na va.

C. Kế hoạch Giôn xơn- MácNamara

B. Kế hoạch Xtalây-Taylo.

D. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi.

Câu 21. Bình định miền Nam trong 2 năm là nội dung của kế hoạch quân sự nào của Mĩ?

A. Kế hoạch Na va.

C. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi.

B. Kế hoạch Xtalây-Taylo.

D. Kế hoạch Giôn xơn-MácNamara.

Câu 22. Tại đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960) đã xác định vai trò của cách mạng miền Bắc là

A. quyết định nhất.

B. quyết định cơ bản.

C. quyết định trực tiếp.

D. đặc biệt quan trọng.

Câu 23. Lực lượng chủ yếu thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) ở miền Nam của Mĩ là

A. quân Mĩ.

C. quân đội Sài Gòn.

B. quân đồng minh.

D. quân đội Sài Gòn và quân Đồng minh của Mĩ.

Câu 24. Kết quả lớn nhất của phong trào Đồng Khởi (1959-1960) là

A. nông thôn miền Nam được giải phóng.

B. lực lượng vũ trang hình thành và phát triển.

C. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời.

D. phá vỡ từng mảng lớn bộ máy chính quyền của địch ở nông thôn.

Câu 25. Ngày 17-1-1960 tại Bến Tre nổ ra phong trào đấu tranh nào ?

A. Đồng khởi.

B. Chống bình định.

C. Phá ấp chiến lược.

D. Trừ gian diệt ác.

Câu 26. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 15 (1-1959) đã thông qua quyết định nào?

A. Đấu tranh ngoại giao để đánh đổ ách thống trị Mĩ - Diệm.

B. Nhờ sự giúp đỡ của các nước ngoài để đánh Mĩ - Diệm.

C. Giành chính quyền bằng con đường đấu tranh hòa bình.

D. Sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Mĩ - Diệm.

Câu 27. Chiến thắng Bình Giã (2-12-1964) là thắng lợi của quân dân miền Nam chống chiến lược chiến tranh nào của Mĩ?

A. Chiến lược “chiến tranh đặc biệt”.

C. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

B. Chiến lược “chiến tranh cục bộ”.

D. Chiến lược “chiến tranh đơn phương”.

Câu 28. Nội dung nào dưới đây **không** phải ý nghĩa của phong trào “Đồng Khởi” (1959-1960)?

A. Buộc Mĩ phải tuyên bố “phi Mĩ hóa” chiến tranh.

C. Chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

B. Làm lung lay tận gốc chính quyền Ngô Đình Diệm.

D. Giáng đòn vào chính sách thực dân mới của Mĩ.

Câu 29. Ngày 16-5-1955 lực lượng nào rút khỏi miền Bắc nước ta?

A. Quân Anh.

B. Quân Pháp.

C. Quân Nhật.

D. Quân Mĩ.

Câu 30. Hình thức đấu tranh chống “Chiến tranh đặc biệt” được đề ra là

A. đấu tranh vũ trang.

C. kết hợp đấu tranh chính trị và vũ trang.

B. đấu tranh chính trị.

D. phá áp chiến lược và đấu tranh chính trị.

Câu 31. Tại đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960) đã xác định cách mạng miền Nam có vai trò

A. quyết định nhất.

C. quyết định trực tiếp.

B. quyết định cơ bản.

D. đặc biệt quan trọng.

Câu 32. Sự kiện nào dưới đây đánh dấu bước phát triển của cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang tiến công?

A. Chiến thắng Ấp Bắc.

C. Phong trào nổi dậy ở Bắc Ái.

B. Chiến thắng Vạn Tường.

D. Phong trào Đồng khởi.

Câu 33. Với thắng lợi của phong trào Đồng khởi (1959-1960) quân và dân miền Nam đã làm phá sản chiến lược chiến tranh nào của Mĩ?

A. Chiến tranh cục bộ.

C. Chiến tranh đơn phương.

B. Chiến tranh đặc biệt.

D. Việt Nam hóa chiến tranh.

Câu 34. Ý nghĩa quan trọng nhất của phong trào “Đồng khởi” (1959- 1960) là

A. đưa nhân dân lên làm chủ ở nhiều thôn, xã miền Nam.

B. làm lung lay tận gốc chính quyền Ngô Đình Diệm.

C. giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ.

D. đánh dấu bước phát triển mới của cách mạng miền Nam.

Câu 35. Đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau là đặc điểm nổi bật của tình hình nước ta sau khi kí hiệp định nào?

A. Hiệp định Pa ri.

C. Hiệp định Giơnevơ.

B. Hiệp định Sơ bộ.

D. Hiệp định Viêng Chăn.

Câu 36. Chiến thắng nào chứng tỏ quân và dân miền Nam có khả năng đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) của Mĩ là chiến thắng

A. Ấp Bắc.

B. Vạn Tường.

C. Đồng Xoài

D. Bình Giã.

Câu 37. Trong những năm 1957-1959, cách mạng miền Nam gặp nhiều khó khăn vì

A. lực lượng cách mạng miền Nam lớn mạnh.

B. miền Bắc chưa kịp chi viện cho miền Nam.

C. Mỹ tăng cường đưa quân Mĩ và quân đồng minh vào miền Nam.

D. Mĩ-Diệm ban hành đạo luật đặt cộng sản ngoài vòng pháp luật.

Câu 38. Biện pháp được coi như “xương sống” của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” là

A. tăng cường viện trợ quân sự.

C. tiến hành dồn dân, lập “Ấp chiến lược”.

B. tăng nhanh lực lượng quân đội Sài Gòn.

D. sử dụng chiến thuật “trục thẳng vận”.

Câu 39. Hội nghị 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (1-1959) quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng là do

A. không thể tiếp tục dùng biện pháp hoà bình được nữa.

C. lực lượng vũ trang miền Nam đã phát triển.

B. Mĩ thiết lập chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.

D. đã có lực lượng chính trị và vũ trang lớn mạnh.

Câu 40. Những chiến thắng làm phá sản “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) của Mĩ là

A. Ấp Bắc, Bình Giã, Núi Thành, Ba Gia, Đồng Xoài.

B. Ấp Bắc, Bình Giã, An Lão, Ba Gia, Vạn Tường.

C. Ấp Bắc, Bình Giã, An Lão, Ba Gia, Đồng Xoài.

D. Ấp Bắc, Bình Giã, Mĩ Tho, Ba Gia, Đồng Xoài.

Câu 41. Sự kiện Pháp rút khỏi đảo Cát Bà (16-5-1955) đánh dấu

A. miền Bắc hoàn toàn giải phóng.

B. miền Nam hoàn toàn giải phóng.

C. Việt Nam tiến hành tổng tuyển cử.

D. thống nhất đất nước về Nhà nước.

Câu 42. Mối quan hệ của cách mạng 2 miền Nam Bắc (1954-1975) là

A. gắn bó hợp tác với nhau

B. mật thiết hỗ trợ lẫn nhau.

C. hợp tác và tác động lẫn nhau.

D. mật thiết gắn bó và tác động lẫn nhau.

Câu 43. Thắng lợi nào của ta chứng tỏ sự đúng đắn của Đảng đã quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Mĩ-Diệm?

A. Phong trào Đồng khởi.

B. Chiến thắng Ấp Bắc.

C. Chiến thắng Bình Giã.

D. Chiến thắng Vạn Tường.

Câu 44. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20-12-1960) giữ vai trò gì trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước?

A. Xây dựng lực lượng cách mạng miền Nam.

B. Giữ gìn lực lượng cách mạng chuẩn bị tiến công.

C. Lãnh đạo nhân dân miền Nam xây dựng căn cứ.

D. Đoàn kết toàn dân chống Mĩ và chính quyền tay sai.

Câu 45. Nội dung nào dưới đây **không** phải là ý nghĩa của phong trào “Đồng khởi” (1959-1960) là

A. làm lung lay tận gốc chính quyền Ngô Đình Diệm.

B. buộc Mĩ phải tuyên bố “phi Mĩ hóa” chiến tranh xâm lược.

C. giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ.

D. đánh dấu bước phát triển mới của cách mạng miền Nam.

Câu 46. Thắng lợi của quân và dân miền Nam chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”(1961-1965) chứng tỏ

A. sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng.

B. sự lớn mạnh của cách mạng miền Nam.

C. vai trò to lớn của hậu phương miền Bắc.

D. sự phát triển của cách mạng miền Nam.

Câu 47. Từ thắng lợi của phong trào “Đồng khởi” để lại cho Đảng ta bài học kinh nghiệm gì?

A. Đảng phải kịp thời đề ra chủ trương cách mạng phù hợp.

B. Phải kết hợp giữa đấu tranh chính trị với ngoại giao.

C. Kết hợp giữa đấu tranh binh vận và đấu tranh chính trị.

D. Sử dụng bạo lực cách mạng với đấu tranh ngoại giao

Câu 48. Đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961- 1965) của Mĩ là thắng lợi có ý nghĩa

A. mở đầu của quân dân miền Nam.

B. lần thứ hai của nhân dân miền Nam.

C. trên mặt trận ngoại giao của nhân dân miền Nam.

D. trên mặt trận chính trị của nhân dân miền Nam.

Câu 49. Thất bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) được coi là là thất bại có tính chất chiến lược .

A. mở đầu của quân Mĩ.

B. lần thứ hai của quân Mĩ.

C. trên mặt trận ngoại giao.

D. trên mặt trận chính trị.

Câu 50. Điểm khác nhau cơ bản giữa Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960) với đại hội lần thứ II (2-1951) là gì?

A. Thông qua các báo cáo chính trị.

B. Bầu Ban chấp hành Trung ương Đảng.

C. Xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội.

D. Thông qua nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam.

Câu 51. Âm mưu “dùng người Việt đánh người Việt” trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam thể hiện thủ đoạn nào của Mĩ?

A. Tận dụng xương máu của người Việt.

B. Tăng sức chiến đấu của quân đội Sài Gòn.

C. Quân Mĩ rút quân về nước kết thúc chiến tranh.

D. Quân Mĩ và quân đồng minh rút dần khỏi chiến tranh.

Bài 22 : NHÂN DÂN HAI MIỀN TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG ĐẾ QUỐC MĨ XÂM LƯỢC (1965-1973)

Câu 1. Từ năm 1965-1968 Mĩ thực hiện chiến lược Chiến tranh nào?

A. Chiến tranh đơn phương.

B. Chiến tranh cục bộ.

C. Chiến tranh đặc biệt.

D. Việt Nam hóa chiến tranh.

Câu 2. Sau thất bại trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) Mỹ tiếp tục thực hiện chiến lược nào?

- A. Chiến tranh đơn phương.
- B. Chiến tranh cục bộ.
- C. Chiến tranh tổng lực.
- D. Việt Nam hóa chiến tranh.

Câu 3. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968) được tiến hành bằng lực lượng

- A. quân đội Sài Gòn, quân đồng minh do cố vấn Mỹ chỉ huy.
- B. quân Mỹ, quân đồng minh của Mỹ và quân đội Sài Gòn.
- C. quân một số nước đồng minh của Mỹ và quân đội Sài Gòn.
- D. quân viễn chinh, quân một số nước đồng minh của Mỹ.

Câu 4. Thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968), Mỹ đẩy mạnh chiến tranh xâm lược ở Miền Nam và

- A. mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc.
- B. mở rộng chiến tranh xâm lược Lào và Campuchia.
- C. đưa quân các nước đồng minh vào miền Nam.
- D. đưa vũ khí và phương tiện chiến tranh vào Miền Nam.

Câu 5. Mỹ buộc phải tuyên bố “phi Mỹ hóa” chiến tranh xâm lược Việt Nam sau thất bại của

- A. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972.
- B. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968.
- C. Trận "Điện Biên Phủ trên không" năm 1972.
- D. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

Câu 6. Sắp xếp các sự kiện sau theo trình tự thời gian

- 1. Chiến thắng Vạn Tường.
- 2. Chiến thắng Ba Gia.
- 3. Chiến thắng hai mùa khô.
- 4. Chiến thắng Điện Biên Phủ trên không.
- A. 1-2-3-4
- B. 1-3-2-4
- C. 2-4-3-1
- D. 2-1-3-4.

Câu 7. Sắp xếp các sự kiện sau theo trình tự thời gian

- 1. Việt Nam hóa chiến tranh.
- 2. Chiến tranh đơn phương.
- 3. Chiến tranh cục bộ.
- 4. Chiến tranh đặc biệt.
- A. 1-2-3-4
- B. 1-3-2-4
- C. 2-4-3-1
- D. 2-1-3-4

Câu 8. Thắng lợi quân sự nào của quân dân Việt Nam đã buộc Mỹ phải tuyên bố “Mỹ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược ?

- A. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972.
- B. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968.
- C. Trận “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972.
- D. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

Câu 9. Ý nào sau đây không phải là ý nghĩa của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968?

- A. Mỹ tuyên bố “Mỹ hóa” chiến tranh.
- B. Mỹ tuyên bố “phi Mỹ hóa” chiến tranh.
- C. Mỹ chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc.
- D. Mỹ đến bàn Hội nghị Pari để đàm phán với ta.

Câu 10. Cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất (1965- 1966) của Mỹ ở miền Nam nhằm vào hướng chiến lược chính là.

- A. Đông Nam Bộ
- B. Liên khu V.
- C. Đông Nam Bộ và Liên khu V.
- D. Đông Nam Bộ và Tây Nguyên.

Câu 11. Cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai (1966 -1967) của Mỹ ở miền Nam Việt Nam nhằm

- A. tiêu diệt quân chủ lực của ta.
- B. bình định miền Nam trong vòng 18 tháng.
- C. tiêu diệt cơ quan đầu não kết thúc chiến tranh.
- D. tiêu diệt quân chủ lực và cơ quan đầu não của ta.

Câu 12. Chiến thắng nào của ta mở ra khả năng đánh thắng quân Mỹ trong chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965- 1968)?

- A. Mùa khô 1965-1966.
- B. Mùa khô 1966-1967.
- C. Vạn Tường (1965).
- D. Mậu Thân (1968).

Câu 13. Trong cuộc Tiến công chiến lược năm 1972, quân ta đã chọc thủng ba phòng tuyến mạnh nhất của địch là

- A. Huế, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.
- B. Huế, Đà Nẵng, Quảng Trị.
- C. Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.
- D. Quảng Trị, Tây Nguyên, Hồ Chí Minh.

Câu 14. Lực lượng chủ yếu tham gia chiến đấu trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969-1973) của Mỹ là

- A. quân Mỹ.
- B. quân đội Sài Gòn.
- C. quân Mỹ, quân đội Sài Gòn.
- D. quân Mỹ và quân đồng minh Mỹ.

Câu 15. Chiến lược chiến tranh nào được Mỹ tiến hành bằng lực lượng quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hỏa lực, không quân, hậu cần Mỹ ?

- A. Chiến tranh một phía.
- B. Chiến tranh đặc biệt.
- C. Chiến tranh cục bộ.
- D. Việt Nam hóa chiến tranh.

Câu 16. Ý nghĩa lớn nhất trong cuộc tổng tiến công công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 là

- A. buộc Mỹ phải ký hiệp định Pa ri.
- B. Mỹ phải đến hội nghị Pari để đàm phán với ta
- C. Mỹ phải tuyên bố “phi Mỹ hóa” chiến tranh xâm lược.
- D. buộc Mỹ phải ngừng ném bom chiến tranh phá hoại miền Bắc.

Câu 17. Sau thất bại trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968) Mỹ tiếp tục thực hiện chiến lược?

- A. Chiến tranh đơn phương.
- B. Chiến tranh đặc biệt.
- C. Chiến tranh tổng lực.
- D. Việt Nam hóa chiến tranh.

Câu 18. Thất bại trong chiến lược chiến tranh nào, buộc Mỹ phải chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán với ta ở hội nghị Pa ri?

- A. Chiến tranh đơn phương.
- B. Chiến tranh đặc biệt.
- C. Chiến tranh cục bộ.
- D. Việt Nam hóa chiến tranh.

Câu 19. Sau hiệp định Pa ri (1973) ký kết tình hình ở miền Nam như thế nào?

- A. Mỹ đã rút nhưng ngụy chưa nhào.
- B. Ta đã giành thắng lợi ở Phước Long.
- C. Ta đã giành thắng lợi ở Tây Nguyên.
- D. Cuộc kháng chiến chống Mỹ thắng lợi.

Câu 20. Cao trào “Tìm Mỹ mà đánh, lùng ngụy mà diệt” trên khắp miền Nam được nhân dân ta thực hiện trong chiến lược chiến tranh nào của Mỹ?

- A. Chiến tranh đơn phương.
- B. Chiến tranh đặc biệt.
- C. Chiến tranh cục bộ.
- D. Việt Nam hóa chiến tranh.

Câu 21. Chiến thắng Vạn Tường (1965) là sự kiện mở đầu cao trào

- A. “Tìm Mỹ mà đánh, lùng ngụy mà diệt”.
- B. “Tìm ngụy mà đánh, lùng Mỹ mà diệt”.
- C. “Lùng Mỹ mà đánh, tìm ngụy mà diệt” .
- D. “Thi đua Vạn Tường, giết giặc lập công”.

Câu 22. Thắng lợi nào của quân và dân miền Nam buộc Mỹ phải thừa nhận thất bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969-1973)?

- A. Xuân Mậu Thân 1968.
- B. Mùa khô 1966-1967.
- C. Cuộc tiến công chiến lược 1972.
- D. Trận Điện Biên Phủ trên không.

Câu 23. Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam là

- A. chính phủ hợp pháp của nhân dân miền Nam.
- B. chính phủ bí mật của nhân dân miền Nam.
- C. chính phủ đặc biệt của nhân dân miền Nam.
- D. chính phủ bất hợp pháp của nhân dân miền Nam.

Câu 24. Chiến thắng nào của quân dân miền Nam đã mở ra cao trào “tìm Mỹ mà đánh, lùng ngụy mà diệt” trên khắp miền Nam?

- A. Phong trào Đồng khởi.
- B. Chiến thắng Ấp Bắc.
- C. Chiến thắng Vạn Tường.
- D. Chiến thắng hai mùa khô.

Câu 25. Trong chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” (1969-1973), lực lượng quân đội Mỹ có vai trò là

- A. trực tiếp chiến đấu.
- B. trực tiếp tham chiến.
- C. phối hợp hỏa lực..
- D. cố vấn và chỉ huy.

Câu 26. Chiến thắng nào của quân và dân ta đã trực tiếp buộc Mỹ phải kí hiệp định Pari (27-1-1973)?

- A. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972.
- B. Trận “Điện Biên Phủ trên không”.
- C. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968.
- D. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Câu 27. Ngày 6/6/1969 diễn ra sự kiện lịch sử nào?

- A. Thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc.
- B. Thành lập Ủy ban giải phóng miền Nam Việt Nam.
- C. Thành lập mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.
- D. Thành lập Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

Câu 28. Để đập tan cuộc hành quân mang tên “Lam Sơn- 719” của 4,5 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn, quân đội Việt Nam đã phối hợp chiến đấu với quân dân

- A. Cam pu chia. B. Lào. C. Miền Điện. D. Thái Lan.

Câu 29. Cuộc tiến công chiến lược 1972 hướng tiến công chủ yếu là

- A. Quảng Trị. D. Quảng Bình. B. Đà Nẵng. D. Liên khu V.

Câu 30. Âm mưu cơ bản của chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” và “Đông Dương hoá chiến tranh” là

- A. dùng người Đông Dương đánh người Việt, giảm xương máu của người Mĩ trên chiến trường.
B. rút dần quân Mĩ, tận dụng người Đông Dương vì mục đích thực dân mới của Mĩ.
C. dùng người Việt đánh người Việt, dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương.
D. dùng người Việt đánh người Việt, tận dụng xương máu của người Việt trên chiến trường.

Câu 31. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 có ý nghĩa

- A. đánh dấu kết thúc cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.
B. đánh dấu sự sụp đổ của chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh.
C. đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chiến tranh thực dân mới của Mĩ.
D. làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mĩ, buộc Mĩ rút quân về nước

Câu 32. Hướng tiến công chủ yếu của quân ta trong cuộc tiến công chiến lược năm 1972 là

- A. Đông Nam Bộ. B. Tây Nguyên. C. Quảng Trị. D. Liên khu V.

33. Lực lượng giữ vai trò quan trọng và không ngừng tăng nhanh về số lượng trong “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968)?

- A. Quân đội Sài Gòn. B. Quân đồng minh. C. Quân Mĩ. D. Cố vấn Mĩ.

34. Chiến thắng được coi là “Áp Bắc” đối với quân Mĩ, mở đầu cao trào “Tìm Mĩ mà đánh, lùng ngụy mà diệt” trên khắp miền Nam là

- A. Phong trào Đồng khởi. C. Chiến thắng Vạn Tường.
B. Chiến thắng Ấp Bắc. D. Chiến thắng hai mùa khô.

Câu 35. So với chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, chiến lược “Chiến tranh cục bộ” có điểm mới là mở rộng chiến tranh

- A. xâm lược Lào. C. xâm lược Campuchia.
B. phá hoại miền Bắc. D. xâm lược Đông Dương.

Câu 36. So với chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” có điểm mới là mở rộng chiến tranh

- A. xâm lược Lào. C. xâm lược Campuchia.
B. phá hoại miền Bắc. D. ra toàn Đông Dương.

Câu 37. Từ năm 1965- 1968 nhân dân miền Bắc thực hiện nhiệm vụ gì?

- A. Vừa sản xuất, vừa chiến đấu và làm nghĩa vụ hậu phương.
B. Chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ.
C. Chi viện cho miền Nam và Lào, Campuchia.
D. Vừa sản xuất, vừa chi viện cho miền Nam.

Câu 38. Điểm khác nhau giữa “Chiến tranh đặc biệt” và “Việt Nam hóa chiến tranh” là gì?

- A. Hình thức chiến tranh thực dân mới của Mĩ. C. Có sự phối hợp đáng kể của lực lượng chiến đấu Mĩ.
B. Sử dụng lực lượng chủ yếu là quân ngụy. D. Dưới sự chỉ huy của hệ thống cố vấn quân sự Mĩ.

Câu 39. Điểm giống nhau cơ bản giữa chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” và chiến lược “Chiến tranh cục bộ” là

- A. được tiến hành bằng quân đội Mỹ là chủ yếu. C. loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ.
B. mở rộng chiến tranh sang Lào, Campuchia. D. tiến hành các cuộc hành quân xâm lược Lào.

Câu 40. Ý nghĩa nào dưới đây không phản ánh đúng thắng lợi của cuộc tiến công chiến lược năm 1972?

- A. Mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ.
B. Giáng một đòn nặng nề vào “Việt Nam hoá chiến tranh”
C. Buộc Mĩ phải tuyên bố “Mĩ hoá” trở lại chiến tranh Việt Nam.
D. Buộc Mĩ ngừng ném bom bắn phá miền Bắc 12 ngày đêm.

Câu 41. Ý nào dưới đây thể hiện điểm tương đồng về nội dung của Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương và Hiệp định Pari năm 1973.

- A. Các bên thừa nhận thực tế miền Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát.
- B. Hiệp định có sự tham gia của năm cường quốc trong Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.
- C. Thỏa thuận các bên ngừng bắn để thực hiện chuyển quân, tập kết, chuyển giao khu vực.
- D. Các nước đều cam kết tôn trọng những quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam.

Câu 42. Hiệp định Pa ri năm 1973 bàn về vấn đề độc lập chủ quyền của

- A. Đông Dương.
- B. Campuchia.
- C. Việt Nam.
- D. Lào, Campuchia.

Câu 43. Quyền dân tộc cơ bản được khẳng định trong Hiệp định Pa-ri năm 1973 là

- A. độc lập, tự do, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.
- C. độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.
- B. độc lập, tự chủ, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.
- D. độc lập, tự do, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

Câu 44. Trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh” Mĩ đã sử dụng thủ đoạn ngoại giao

- A. liên minh với các nước đồng minh trong khối NATO.
- B. thỏa hiệp với Trung Quốc và hòa hoãn với Liên Xô.
- C. hòa hoãn với Trung Quốc và thỏa hiệp với Liên Xô.
- D. nhân nhượng Trung Quốc để chống cách mạng Đông Dương.

Câu 45. Ý nghĩa lớn nhất của chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” là

- A. buộc Mĩ ngừng ném bom ở miền Bắc.
- B. buộc Mĩ phải ký Hiệp định Pa ri.
- C. Mĩ phải rút quân khỏi miền Bắc.
- D. buộc Mĩ chấp nhận đàm phán ở Pa ri.

Câu 46. Điểm khác biệt lớn nhất về âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược chiến tranh cục bộ so với chiến lược chiến tranh đặc biệt là

- A. mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương.
- D. quân đội Mĩ, quân đồng minh và đánh phá miền Bắc.
- B. sử dụng vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại.
- C. huy động quân đồng minh của Mĩ tham gia.

Câu 47. Điểm khác trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” so với chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” là

- A. sử dụng quân đội Sài Gòn.
- C. mở rộng chiến tranh xâm lược Đông Dương.
- B. hình thức chiến tranh thực dân mới.
- D. sử dụng vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại.

Câu 48. Điểm khác nhau cơ bản giữa chiến lược “chiến tranh cục bộ” so với chiến lược “chiến tranh đặc biệt” là

- A. sử dụng quân đội Sài Gòn.
- D. lực lượng quân Mĩ giữ vai trò quan trọng.
- B. hình thức chiến tranh thực dân mới.
- C. sử dụng vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại.

Câu 49. Sự khác nhau trong âm mưu của Mĩ giữa cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất và lần thứ hai là

- A. Uy hiếp tinh thần của nhân dân ta.
- C. buộc ta phải ký hiệp định có lợi cho Mĩ.
- B. phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng.
- D. ngăn chặn sự chi viện từ ngoài vào miền Bắc.

Câu 50. Các chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, “Chiến tranh cục bộ”, “Việt Nam hóa chiến tranh” đều có điểm giống nhau

- A. quân đội Mỹ và quân đội Sài Gòn.
- C. loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ.
- B. mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc và Đông Dương.
- D. có cố vấn Mĩ chỉ huy, với sự viện trợ cho quân đội Sài Gòn.

Câu 51. Tác động của hiệp định Pa ri đến cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước là

- A. làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Việt nam hóa chiến tranh” của Mĩ
- C. tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến đánh cho “nguy nhào”
- B. làm sụp đổ chính quyền Sài Gòn.
- D. tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho “Mĩ cút”.

Câu 52. “Tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho “nguy nhào”, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước” là ý nghĩa của hiệp định nào?

- A. Hiệp định Pari 1973.
- B. Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954.
- C. Hiệp định sơ bộ 1946.
- D. Tạm ước 1946.

Câu 53. Hiệp định Pari là thắng lợi của sự kết hợp giữa đấu tranh

A. chính trị và ngoại giao.

C. quân sự , chính trị, binh vận

B. ngoại giao và quân sự.

D. quân sự, chính trị và ngoại giao.

Câu 54. Ngày 24 và 25/4/1970, Hội nghị cấp cao 3 nước Đông Dương họp nhằm

A. xây dựng căn cứ địa kháng chiến của ba nước Đông Dương.

B. vạch trần âm mưu “Đông Dương hóa chiến tranh” của Mĩ.

C. biểu thị quyết tâm đoàn kết chiến đấu chống Pháp.

D. biểu thị quyết tâm đoàn kết chiến đấu chống Mĩ .

Câu 55. “Cố giành lại thế chủ động trên chiến trường, đẩy lực lượng vũ trang của ta trở về phòng ngự, buộc ta phải phân tán đánh nhỏ hoặc rút về biên giới” đây là âm mưu của Mĩ trong chiến lược

A. chiến tranh đơn phương.

C. chiến tranh cục bộ.

B. chiến tranh đặc biệt.

D. Việt Nam hóa chiến tranh.

BÀI 23: GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM (1973-1975)

Câu 1. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân năm 1975, lần lượt trải qua các chiến dịch

A. Huế - Đà Nẵng, Tây Nguyên, Hồ Chí Minh.

C. Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng, Phước Long.

B. Tây Nguyên, Hồ Chí Minh, Huế - Đà Nẵng.

D. Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.

Câu 2. Chiến dịch nào đã mở đầu cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975?

A. Chiến dịch Phước Long.

C. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

B. Chiến dịch Tây Nguyên.

D. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Câu 3. Bộ chính trị Trung ương Đảng chọn hướng tiến công chủ yếu của ta trong năm 1975 là

A. Tây Nguyên.

B. Đà Nẵng.

C. Huế - Đà Nẵng.

D. Hồ Chí Minh.

Câu 4. Toàn lính Mĩ cuối cùng rút khỏi nước ta ngày 29-3-1973 đã

A. hoàn thành nhiệm vụ “đánh cho Mĩ cút”.

C. hoàn thành cuộc kháng chiến chống Mĩ.

B. làm cho chính quyền Sài Gòn suy yếu.

D. hoàn thành nhiệm vụ “đánh cho nguy nhào”.

Câu 5. Sau khi quân Mĩ rút khỏi miền Nam Việt Nam, chính quyền Sài Gòn đã có hành động như thế nào?

A. Không còn thực hiện kế hoạch “Việt Nam hóa chiến tranh”.

B. Chấp nhận đầu hàng lực lượng cách mạng miền Nam Việt Nam.

C. Tiến hành chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ”.

D. Không nhận viện trợ từ Mĩ.

Câu 6. Từ cuối năm 1974 đầu năm 1975, Bộ chính trị đề ra chủ trương giải phóng hoàn toàn miền Nam trong khoảng thời gian nào?

A. Mùa mưa năm 1974 và 1975.

C. Đầu năm 1976 cuối năm 1977.

B. Cuối năm 1976 đầu năm 1977.

D. Trong hai năm 1975 và 1976.

Câu 7. Trận đánh then chốt mở màn của chiến dịch Tây Nguyên (3/1975) là

A. Kom Tum.

B. Gia Lai.

C. Buôn Ma Thuột

D. Plâyku.

Câu 8. Sau chiến dịch Tây Nguyên đã đưa cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước chuyển sang giai đoạn

A. tiến công chiến lược trên khắp cả nước.

C. tổng tiến công chiến lược toàn miền Nam.

B. tiến công chiến lược trên khắp miền Nam.

D. mở chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

Câu 9. Sau thắng lợi chiến dịch Tây Nguyên và Huế - Đà Nẵng Bộ chính trị Trung ương Đảng quyết định giải phóng

A. Sài Gòn trước mùa mưa năm 1975.

C. Sài Gòn trong hai năm 1975-1976.

B. miền Nam trước mùa mưa năm 1975.

D. miền Nam ngay trong năm 1975.

Câu 10. Tỉnh cuối cùng của miền Nam được giải phóng năm (2-5-1975) là

A. Hà Tiên

B. Châu Đốc.

C. Vĩnh Long.

D. Cà Mau.

Câu 11. Sự kiện lịch sử nào diễn ra vào thời điểm 10h45 phút ngày 30-4- 1975?

A. Tổng thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng.

- B. Lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập.
- C. Đánh dấu chiến dịch Hồ Chí Minh hoàn toàn thắng lợi.

D. Ta tiến thẳng vào Dinh Độc Lập, bắt toàn bộ Nội các Sài Gòn.

Câu 12. Sự kiện lịch sử nào diễn ra vào thời điểm 11h30 phút ngày 30-4- 1975?

- A. Tổng thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng.
- B. Lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập.
- C. Đánh dấu chiến dịch Hồ Chí Minh hoàn toàn thắng lợi.
- D. Ta tiến thẳng vào Dinh Độc Lập, bắt toàn bộ Nội các Sài Gòn.

Câu 13. Bộ chính trị Trung ương Đảng đã dựa trên cơ sở nào để đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975 và 1976?

- A. Mĩ không viện trợ cho quân ngụy.
- B. Hậu phương miền Bắc ngày càng lớn.
- C. Mĩ viện trợ cho chính quyền Sài Gòn.
- D. So sánh lực lượng ở miền Nam có lợi cho cách mạng.

Câu 14. Ngày 26 tháng 4 năm 1975 gắn liền với sự kiện nào?

- A. Chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu.
- B. Quần đảo Trường Sa được giải phóng.
- C. Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng.
- D. Miền Nam hoàn toàn giải phóng.

Câu 15. Ngày 29-3-1973 diễn ra sự kiện lịch sử nào?

- A. Giải phóng tỉnh Phước Long.
- B. Toán lính cuối cùng rút khỏi đảo Cát Bà.
- C. Toán lính Mĩ cuối cùng rút khỏi miền Nam.
- D. Toán lính Pháp rút khỏi miền Nam.

Câu 16. Lý do nào dưới đây để Đảng ta đề ra chủ trương kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 và 1976.

- A. Mĩ không viện trợ cho quân ngụy.
- B. Hậu phương miền Bắc ngày càng lớn.
- C. Mĩ viện trợ cho chính quyền Sài Gòn.
- D. So sánh lực lượng ở miền Nam có lợi cho cách mạng.

Câu 17. Hội nghị lần thứ 21(7-1973) của Ban chấp hành Trung ương Đảng họp đã nêu rõ nhiệm vụ của cách mạng miền Nam là

- A. xây dựng và củng cố vùng giải phóng.
- B. thực hiện triệt để người cày có ruộng.
- C. tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
- D. đòi Mĩ và chính quyền Sài Gòn thi hành hiệp định Pari.

Câu 18. Thắng lợi quân sự có ý nghĩa chiến lược trong hoạt động quân sự ở Nam Bộ cuối năm 1974 đầu năm 1975 của ta là giải phóng

- A. Bến Tre.
- B. Xuân Lộc.
- C. Phước Long.
- D. Phan Rang.

Câu 19. Chiến thắng nào của ta đã tạo thế và lực để ta mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975?

- A. Chiến dịch Đường 14- Phước Long.
- B. Chiến dịch Tây Nguyên.
- C. Chiến dịch Hồ Chí Minh.
- D. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

Câu 20. Cuối năm 1974 đầu năm 1975 Bộ chính trị Trung ương Đảng mở hoạt động quân sự ở

- A. Xuân Lộc, Phan Rang, Đông Nam Bộ.
- B. Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, Xuân Lộc.
- C. Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên.

Câu 21. Sự kiện lịch sử nào có ý nghĩa “ chuyển từ tiến công chiến lược phát triển thành tổng tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam”?

- A. Giải phóng Tây Nguyên.
- B. Giải phóng Đà Nẵng.
- C. Giải phóng Phan Rang.
- D. Giải phóng Huế.

Câu 22. Cuối năm 1974 đầu 1975 Bộ chính trị Trung ương Đảng đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam như thế nào?

- A. Giải phóng miền Nam trong năm 1975.
- B. Giải phóng Sài Gòn trong hai năm 1975-1976.
- C. Giải phóng miền Nam trong hai năm 1975-1976.
- D. Lập tức giải phóng Sài Gòn trong hai năm 1975-1976.

Câu 23. Chiến dịch Hồ Chí Minh (30-4-1975) giành thắng lợi có ý nghĩa

- A. đẩy quân đội Sài Gòn vào thế tuyệt vọng, chống cự yếu ớt.
- B. chuyển từ tiến công chiến lược phát triển thành tổng tiến công.
- C. giải phóng Tây Nguyên, phát triển tổng tiến công chiến lược.

D. tạo điều kiện thuận lợi cho ta giải phóng các tỉnh còn lại ở Nam Bộ.

Câu 24. Ngày 24-3-1975 diễn ra sự kiện nào dưới đây?

A. Giải phóng Phước Long.

C. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

B. Giải phóng Tây Nguyên.

D. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng thắng lợi.

Câu 25. Hãy sắp xếp các sự kiện sau theo đúng trình tự thời gian.

1. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

3. Chiến dịch Tây Nguyên.

2. Chiến dịch Đường 14- Phước Long.

4. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21.

A 3-1-2-4.

B. 4-2-3-1.

C. 1-2-3-4.

D. 4-3-1-2.

Câu 26. Chiến dịch Tây Nguyên (3-1975) thắng lợi có ý nghĩa chuyển cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước sang giai đoạn mới

A. đẩy quân đội Sài Gòn vào thế tuyệt vọng, chống cự yếu ớt.

B. tạo điều kiện thuận lợi ta mở chiến dịch Hồ Chí Minh.

C. chuyển từ tiến công chiến lược phát triển thành tổng tiến công.

D. giải phóng Tây Nguyên, phát triển tổng tiến công chiến lược.

Câu 27. Sự kiện lịch sử nào diễn ra ngày ngày 30-4-1975?

A. Giải phóng Phước Long.

C. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

B. Giải phóng Tây Nguyên.

D. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng thắng lợi.

Câu 28. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng (3-1975) thắng lợi có ý nghĩa

A. tạo điều kiện thuận lợi cho ta giải phóng miền Nam.

B. giải phóng Huế- Đà Nẵng, phát triển tổng tiến công.

C. đưa cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân dân ta tiến lên một bước mới.

D. chuyển từ tiến công chiến lược phát triển thành tổng tiến công chiến lược

Câu 29. Ngày 26-3-1975 diễn ra sự kiện nào dưới đây?

A. Giải phóng thành phố Huế.

C. Giải phóng Tây Nguyên.

B. Giải phóng Đà Nẵng.

D. Giải phóng Phước Long..

Câu 30. Ngày 29-3-1975 diễn ra sự kiện nào dưới đây?

A. Giải phóng thành phố Huế.

C. Giải phóng Tây Nguyên.

B. Giải phóng Đà Nẵng.

D. Giải phóng Phước Long..

Câu 31. Ngày 6-1-1975 diễn ra sự kiện nào dưới đây?

A. Giải phóng thành phố Huế.

C. Giải phóng Tây Nguyên.

B. Giải phóng Đà Nẵng.

D. Giải phóng Phước Long.

Câu 32. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954-1975) có tác dụng như thế nào đối với phong trào cách mạng thế giới?

A. Là biểu tượng của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

B. Là thời cơ cho các nước thuộc địa đứng lên giành độc lập dân tộc.

C. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

D. Ảnh hưởng đến cách mạng Lào và Campuchia.

Câu 33. Vì sao Bộ chính trị Trung ương Đảng quyết định chọn Tây Nguyên là chiến dịch mở màn cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975?

A. Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng, địch bố trí với lực lượng mạnh.

B. Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng, địch bố trí với lực lượng mỏng.

C. Tây Nguyên rất gần với quân đoàn 1 của chính quyền Sài Gòn.

D. Tấn công Tây nguyên làm bàn đạp tấn công Huế - Đà Nẵng.

Câu 34. “Thời cơ chiến lược đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam” là nhận định của Đảng ta sau thắng lợi của chiến dịch nào?

A. Chiến dịch Tây Nguyên và Chiến dịch Đà Nẵng.

B. Chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

C. Chiến dịch Đường 14- Phước Long và Chiến dịch Huế.

D. Chiến dịch Tây Nguyên và Chiến dịch Đường 14- Phước Long.

Câu 35. Nguyên nhân cơ bản nhất dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) là

A. Nhân dân ta có truyền thống yêu nước, đoàn kết của nhân dân.

B. Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh.

D. tinh thần chiến đấu dũng cảm của nhân dân hai miền Nam- Bắc.

C. Có hậu phương vững chắc ở miền Bắc không ngừng lớn mạnh.

Câu 36. Đối với nhân dân ta thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước có ý nghĩa quan trọng nhất là

A. chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, đế quốc .

B. cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

C. hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

D. mở ra kỷ nguyên đất nước độc lập thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 37. Phương châm tác chiến của quân dân ta trong chiến dịch Hồ Chí Minh (4-1975) là

A. “đánh ăn chắc, tiến ăn chắc”.

B. “đánh nhanh thắng nhanh”.

C. “cơ động, linh hoạt, chắc thắng”. D. “thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”.

Câu 38. Chiến dịch nào có ý nghĩa quyết định thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975?

A. Chiến dịch Đường 14- Phước Long.

C. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

B. Chiến dịch Tây Nguyên.

D. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

Câu 39. Nét độc đáo của cách mạng miền Nam trong giai đoạn (1954-1975)

A. đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao.

B. đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao.

C. đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang và ngoại giao.

D. tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ cách mạng ở hai miền.

Câu 40. Một trong những bài học xuyên suốt, trở thành nhân tố cơ bản nhất quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay là

A. kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

B. sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam.

C. nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

D. không ngừng củng cố và tăng cường khối đoàn kết dân tộc.

Câu 41. “Thắng lợi đó mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trang sử chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng...và có tính thời đại sâu sắc” nói về sự kiện nào?

A. Hội nghị thành lập Đảng đầu năm 1930.

B. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

C. Cách mạng tháng Tám năm 1945 khai sinh ra nước Việt Nam.

D. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước thắng lợi năm 1975.

Câu 42. Đường lối xuyên suốt của Đảng ta từ năm 1930 đến nay là gì?

A. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

C. Cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng.

B. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

D. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và thổ địa cách mạng.

Câu 43. Ý nào **không** phải là nguyên nhân thắng lợi chung của cuộc kháng chiến chống Pháp (1946-1954) và kháng chiến chống Mỹ (1954-1975)?

A. Sự đoàn kết của ba nước Đông Dương.

C. Hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh.

B. Truyền thống yêu nước đoàn kết dân tộc.

D. Sự lãnh đạo của Đảng, chủ tịch Hồ Chí Minh.